

Tỉnh (TP): Thanh Hóa

Biểu số 108/CK TC-NSNN

Xã (phường, thị trấn): Hạc Thành

**BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026**

Đơn vị: Nghìn đồng

<b>Nội dung thu</b>	<b>Dự toán</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Dự toán</b>
<b>Tổng số thu</b>	<b>1,375,110,000</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>1,375,110,000</b>
<b>I. Các khoản thu xã hưởng 100%</b>	<b>1,723,000</b>	<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>423,811,000</b>
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup></b>	<b>1,107,212,000</b>	<b>II. Chi thường xuyên (đã trừ TK chi 10%)</b>	<b>927,176,000</b>
<b>III. Thu bổ sung</b>	<b>231,148,000</b>	<b>III. Dự phòng</b>	<b>24,123,000</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	225,848,000	- Dự phòng chi đầu tư XD CB	-
- Bổ sung có mục tiêu	5,300,000	- Dự phòng chi thường xuyên	24,123,000
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước		<b>IV. Chi từ nguồn tăng thu năm 2024</b>	
V. Thu viện trợ		<b>V. Tiết kiệm chi</b>	
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	35,027,000		
<b>Kết dư ngân sách</b>			

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026

Đơn vị: Nghìn đồng

Nội dung	Dự toán năm 2026	
	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2
<b>A</b>		
<b>Tổng thu</b>	<b>1,722,599,000</b>	<b>1,375,110,000</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>1,723,000</b>	<b>1,723,000</b>
- Phí, lệ phí	428,000	428,000
- Thu từ quỹ đất công ích và Thu hoa lợi công sản khác	1,295,000	1,295,000
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	-
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	
- Thu khác		
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>1,720,876,000</b>	<b>1,107,212,000</b>
1. Các khoản thu phân chia	259,770,000	95,470,000
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	22,070,000	22,070,000
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	237,700,000	73,400,000
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1,461,106,000	1,011,742,000
- Thu từ doanh nghiệp nhà nước	4,360,000	
- Thu thuế Thu nhập cá nhân	181,881,000	181,881,000
- Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh	351,232,000	351,232,000
- Thu phí BVMT	3,922,000	3,922,000
- Phí, lệ phí khác	8,130,000	
- Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	1,420,000	852,000
- Thu tiền thuê đất	90,101,000	29,984,000
- Thu tiền sử dụng đất	800,000,000	423,811,000
- Thu khác ngân sách	20,060,000	20,060,000
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>IV. Thu chuyển nguồn CCTL năm 2025 sang 2026 để thực hiện CCTL</b>		<b>35,027,000</b>
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách</b>	<b>-</b>	<b>231,148,000</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách		225,848,000
- Bổ sung có mục tiêu		5,300,000

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026**

*Đơn vị: Nghìn đồng*

Nội dung	Dự toán năm 2026		
	Tổng số	ĐTPT	TX
1	5	6	7
<b>Tổng chi</b>	<b>1,375,110,000</b>	<b>423,811,000</b>	<b>951,299,000</b>
<b>1. Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội</b>	<b>14,147,799</b>	<b>200,000</b>	<b>13,947,799</b>
- Chi nhiệm vụ quốc phòng	5,731,791	200,000	5,531,791
- Chi trật tự an toàn xã hội	8,416,008	-	8,416,008
<b>2. Chi giáo dục</b>	<b>536,282,000</b>	<b>19,583,000</b>	<b>516,699,000</b>
<b>3. Chi khoa học, công nghệ</b>	<b>420,000</b>		<b>420,000</b>
<b>4. Chi y tế, dân số KHH GD</b>	<b>56,308,000</b>	<b>1,000,000</b>	<b>55,308,000</b>
<b>5. Chi văn hóa, thông tin</b>		<b>10,822,000</b>	
<b>6. Chi phát thanh, truyền thanh</b>	<b>15,175,500</b>	<b>200,000</b>	<b>4,148,500</b>
<b>7. Chi thể dục, thể thao</b>		<b>5,000</b>	
<b>8. Chi bảo vệ môi trường</b>	<b>97,922,000</b>		<b>97,922,000</b>
<b>9. Chi các hoạt động kinh tế</b>	<b>316,710,232</b>	<b>193,736,000</b>	<b>122,974,232</b>
- Giao thông	3,500,000	3,500,000	
- Nông - lâm - thủy lợi - hải sản	-		
- Thị chính	275,039,659	163,210,000	111,829,659
- Thương mại, du lịch	-		
- Các hoạt động kinh tế khác	27,026,000	27,026,000	-
<b>10. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>	<b>69,104,286</b>	<b>2,272,000</b>	<b>66,832,286</b>
<i>Trong đó: Quỹ lương</i>	-		
10.1. Quản lý Nhà nước	42,267,522	2,259,000	40,008,522
10.2. Đảng Cộng sản Việt Nam	14,086,906	13,000	14,073,906
10.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	10,889,858		10,889,858
10.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	-		
10.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ	-		
10.6. Hội Cựu chiến binh	-		
10.7. Kinh phí phổ thông	-		
10.8. Phân bổ theo chương trình, nhiệm vụ	1,860,000		1,860,000
<b>11. Chi cho công tác xã hội</b>	<b>41,974,183</b>		<b>41,974,183</b>
- Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác	1,124,854		1,124,854
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa	-		
- Trợ cấp xã hội	23,622,000		23,622,000
- Khác	1,803,000		1,803,000

Nội dung	Dự toán năm 2026		
	Tổng số	ĐTPT	TX
1	5	6	7
<b>12. Chi khác</b>	<b>1,650,000</b>		<b>1,650,000</b>
<b>13. Dự phòng</b>	<b>24,123,000</b>	-	<b>24,123,000</b>
<b>14. Chi đầu tư xây dựng cơ bản chỉ phân bổ khi nguồn thu tiền sử dụng đất đảm bảo</b>	<b>195,993,000</b>	<b>195,993,000</b>	
<b>15. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu</b>	<b>5,300,000</b>		<b>5,300,000</b>

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026**

*Đơn vị: Nghìn đồng*

ST T	Tên công trình	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3,240,190,566</b>	-	-	-	<b>423,811,000</b>		<b>423,811,000</b>	
	<b>1. Dự án hoàn thành đã quyết toán</b>	<b>371,195,701</b>	-	-	-	<b>6,069,000</b>	-	<b>6,069,000</b>	-
1	HTKT khu TĐC phường Phú Sơn 2, TPTH (HTKT khu TĐC công viên Hồ Thành, tại phường Phú Sơn - MB34)	8,738,000				513,000		513,000	
2	Khu TĐC GPMB dê hữu Sông Mã	10,782,848				149,000		149,000	
3	Khu TĐC xã Đông Hải 1, TPTH (MBQH số 173/XD-UB ngày 7/10/2002)	5,916,000				23,000		23,000	
4	HTKT Khuôn viên cây xanh thuộc MBQH khu dân cư Đông Nam cầu Đông Hương, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hoá (MBQH 13526/QĐ-UBND ngày 29/12/2017) (0,98 ha)	6,882,000				83,000		83,000	
5	Khu nhà ở và thương mại phía Nam TTTM siêu thị Big C (MBQH 4074)	10,498,358				89,000		89,000	
6	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước và mặt đường Đinh Liệt 2, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa (Chi phí chuẩn bị đầu tư)	82,000				1,000		1,000	
7	Cải tạo, nâng cấp công viên Thanh Quảng phường Ba Đình, thành phố Thanh Hoá	12,430,000				1,000		1,000	
8	Cải tạo nâng cấp đường Lý Nhân Tông (đoạn từ ngã tư Trần Xuân Soạn đến KCN Tây Bắc Ga)	9,630,000				3,000		3,000	
9	Sửa chữa, cải tạo trường THCS Trần Mai Ninh, phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa	13,017,000				2,000		2,000	
10	Sửa chữa, cải tạo Trường THPT Tô Hiến Thành, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (2017)	1,142,000				11,000		11,000	

11	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường bên ngoài khu chung cư thu nhập thấp tại lô C5 thuộc khu đô thị Nam thành phố Thanh Hóa	1,251,000				12,000		12,000	
12	Cải tạo, nâng cấp cầu Trại Rấn, phường Đông Sơn, TPTH	3,439,000				36,000		36,000	
13	Đường Hạc Thành kéo dài (từ nhà số 76 đến Sở Lao động, Thương binh xã hội)	2,690,000				40,000		40,000	
14	Đường Đông Hương 2 (nối khu đô thị Bình Minh đến MB 217)	3,121,000				56,000		56,000	
15	Cải tạo nâng cấp đường Nguyễn Tình-Đông Hương	48,046,000				214,000		214,000	
16	Đường từ phố cửa Hậu sang Đông Lân, phường Điện Biên, TPTH	900,000				45,000		45,000	
17	Nút giao Phan Bội Châu-Lê Quý Đôn	720,000				264,000		264,000	
18	Cải tạo, nâng cấp lát đá vỉa hè, trồng cây xanh Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa	6,166,000				423,000		423,000	
19	Lắp đặt bổ sung các biển báo hiệu đường bộ trên địa bàn thành phố Thanh Hóa năm 2016, kẻ vạch giảm tốc trên đường Đại lộ Lê Lợi.	450,000				5,000		5,000	
20	Vá ổ gà các tuyến đường trên địa bàn thành phố Thanh Hóa năm 2014	5,499,000				12,000		12,000	
21	Sửa chữa thay thế các tấm đan rãnh thoát nước trên địa bàn thành phố Thanh Hóa 2014	914,000				7,000		7,000	
22	Cải tạo sửa chữa hạ tầng trên địa bàn TPTH năm 2015 chào mừng đại hội Đảng bộ tỉnh	835,000				30,000		30,000	
23	Cải tạo, sửa chữa điện trang trí, biểu trưng thành phố	12,083,000				42,000		42,000	
24	Sửa chữa, cải tạo điện chiếu sáng, trang trí Quốc lộ 1A, thành phố Thanh Hóa	7,479,000				1,000		1,000	
25	Di chuyển các hạng mục hạ tầng kỹ thuật (cây xanh, cột điện chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, lối giao cắt) trên vỉa hè các tuyến đường Đông Hương 1, Đông Hương 9, P Đông Hương, TPTH thuộc dự án Khu dân cư An phú Hưng	1,027,000				1,027,000		1,027,000	
26	Hệ thống điện chiếu sáng mỹ thuật Đại lộ Lê Lợi - Đoạn từ đường Hạc Thành đến chân cầu vượt Phú Sơn	2,150,000				32,000		32,000	
27	Hệ thống điện chiếu sáng mỹ thuật Đại lộ Lê Lợi - Đoạn từ Bưu điện đến đường Hạc Thành	4,218,000				50,000		50,000	
28	Vạch sơn, cắm biển báo điểm đậu, đỗ xe trên địa bàn TPTH	466,000				76,000		76,000	
29	Đường giao thông xung quanh Trung tâm thương mại Đại siêu thị BigC (giai đoạn 2)	14,535,000				28,000		28,000	
30	Lát đá sân chi cục thuế, TPTH	748,000				31,000		31,000	

31	Sửa chữa, cải tạo trang bị cơ sở vật chất cho Hội trường, một số phòng làm việc và khuôn viên cơ quan Thành ủy	3,136,000				13,000		13,000	
32	Mua sắm nội thất nhà làm việc Câu lạc bộ Hàm Rồng	1,004,000				27,000		27,000	
33	Quy hoạch phát triển tổng thể nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên địa bàn TP. Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035	1,439,000				46,000		46,000	
34	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước và mặt đường Trần Huy Liệu, Nam Cao, Như Bá Sỹ, Lê Tất Đắc và Phan Huy Ích, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa	414,000				23,000		23,000	
35	Xử lý các điểm ngập úng trên địa bàn TPTH (năm 2015)	2,680,000				32,000		32,000	
36	Cải tạo, nâng cấp khuôn viên cây xanh Quảng Trường Lam Sơn	5,894,000				184,000		184,000	
37	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc 3 tầng, nhà thi đấu Câu lạc bộ Hàm Rồng	796,000				1,000		1,000	
38	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường phía sau kỳ đài Quảng Trường Lam Sơn, phường Điện Biên	3,952,000				6,000		6,000	
39	Cải tạo, nâng cấp đường Ái Sơn 2 đi Ái Sơn 1 + Mương tiêu Bắc Sơn, phường Đông Hải (đoạn từ MB 2122 đến Đại lộ Nam sông Mã)	8,125,000				1,000		1,000	
40	Cải tạo đường phía sau Tượng đài Lê Lợi	1,256,000				452,000		452,000	
41	Cải tạo nâng cấp đường Ngô Sỹ Liên, phường Tân Sơn	6,566,000				39,000		39,000	
42	Sửa chữa, cải tạo nhà thi đấu thể thao, nhà làm việc 3 tầng, nhà vệ sinh ngoài trời, sân và các công trình phụ trợ CLB Hàm Rồng	1,682,000				5,000		5,000	
43	Sửa chữa, thay thế tấm đan bị mất, hư hỏng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa năm 2016	953,000				10,000		10,000	
44	Cải tạo, nâng cấp đường Phan Bội Châu, phường Ba Đình, TPTH	5,095,000				136,000		136,000	
45	Cải tạo nâng cấp đường Lê Quý Đôn đoạn từ đường Phan Bội Châu đến QL1A	2,576,000				717,000		717,000	
46	Hệ thống điện chiếu sáng công cộng dọc Quốc lộ 45 đoạn từ ngã tư Phú Sơn đến hết trung tâm huyện Đông Sơn	5,539,000				220,000		220,000	
47	Vạch sơn các tuyến đường Phan Chu Trinh, Hạc Thành,...	622,000				4,000		4,000	
48	Đường Đông Hương 2	66,302,011				49,000		49,000	
49	HTTN và mặt đường Nguyễn Thái Học	137,212				5,000		5,000	

50	NC cải tạo Hồ sinh thái và cá đường xung quanh Hồ- Khu nhà thờ chính tòa.	446,612				2,000		2,000	
51	Tuyến Hàng Đồng- XDieu; MKhai- HVM	11,392,485				3,000		3,000	
52	Cải tạo, s/c các tuyến đường xung quanh khu dân cư TNT Phú Sơn.	2,812,737				3,000		3,000	
53	Lát đá xung quanh trung tâm TM Bờ Hồ	1,890,680				1,000		1,000	
54	Sửa chữa cải tạo một số tuyến đường GT thuộc địa bàn xã Hoàng Quang, phường Lam Sơn và phường Đông Thọ	4,112,830				48,000		48,000	
55	Chuông Hạc Thành	70,000				70,000		70,000	
56	cải tạo, sửa chữa Nhà đa năng trường Hàm Rồng	1,068,462				63,000		63,000	
57	Cải tạo nâng cấp đường Chu Văn An	2,375,784				59,000		59,000	
58	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm giáo dục thường xuyên, TPTH	1,186,438				7,000		7,000	
59	Cải tạo, nâng cấp dải phân cách giữa đường tránh QL1A với đường gom đô thị (đoạn từ ngã tư BigC đến QL47)	4,995,000				64,000		64,000	
60	Hoàn trả và cải tạo, nâng cấp đường Dã Tượng - Yết Kiêu dọc hai bờ sông Quảng Châu ảnh hưởng bởi việc thi công gói thầu số 22, 48 dự án Hệ thống tiêu úng Đông Sơn	8,009,191				81,000		81,000	
61	Cải tạo, n/c đường Lê Thánh Tông	10,208,487				264,000		264,000	
62	Cầu Vượt Đường Sắt Lê Lợi- TP Thanh Hóa	8,603,566				128,000		128,000	
	<b>2. Dự án hoàn thành chưa quyết toán</b>	<b>242,894,571</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>35,161,000</b>	<b>-</b>	<b>35,161,000</b>	<b>-</b>
1	Tuyến đường giao thông từ MBQH 2122 kết nối vào đường gom Đại lộ Hùng Vương và hệ thống kênh tiêu ra sông Thống Nhất	40,125,241				3,000,000		3,000,000	
2	Đường vào khu dân cư Nam đại lộ Lê Lợi	10,397,000				2,000,000		2,000,000	
3	Cải tạo, nâng cấp dải phân cách giữa đường tránh QL1A với đường gom đô thị (đoạn từ ngã tư BigC đến QL47)	4,995,000				64,000		64,000	
4	Quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.	2,105,000				505,000		505,000	
5	Vá ổ gà một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Thanh Hóa năm 2016	1,142,000				1,106,000		1,106,000	
6	Cải tạo, sửa chữa công trình Trụ sở Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa (cũ)	989,000				200,000		200,000	
7	Hồ Thành khu vực 4: Khảo sát, lập dự án đầu tư; Khảo sát lập TKBVTC và dự toán; Chi phí thẩm tra + chi phí thiết kế BVTC và dự toán	1,800,000				1,193,000		1,193,000	
8	HTKT Hồ Đồng Chiệc (Công viên Tây Ga): Khảo sát địa hình địa chất; Lập dự án đầu tư; Khảo sát lập TKBVTC và dự toán; Chi phí thẩm tra + thiết kế BVTC và dự toán	2,100,000				1,704,000		1,704,000	

9	HTKT Công viên nước Đông Hương: Khảo sát, lập dự án đầu tư; Khảo sát lập TKBVTC và dự toán; Chi phí thẩm tra + chi phí thiết kế BVTC và dự toán	1,800,000				1,678,000		1,678,000	
10	Sửa chữa, thay thế hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa	4,359,000				883,000		883,000	
11	Đề án xây dựng thành phố Thanh Hóa trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến 2030	698,000				698,000		698,000	
12	Lô đất xen cư phường Điện Biên	301,000				6,000		6,000	
13	Biển báo, vạch phân luồng Đại lộ Lê Lợi	512,230				119,000		119,000	
14	HTKT và GPMB TĐC xã Đông Hải (MB934/2008)	97,200,000				13,892,000		13,892,000	
15	Hạ tầng kỹ thuật Khu xen cư phường Đông Hương (MBQH số 4020/QĐ-UBND ngày 01/6/2020)	5,369,013				282,000		282,000	
16	Khu nhà ở nam trung tâm xã Đông Hải ( MB 1171 )	65,324,000				7,000,000		7,000,000	
17	HTKT khu xen cư trường Tiểu học Đông Vệ 2 cũ, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa (MBQH 9457/QĐ-UBND ngày 20/10/2015)	1,246,613				397,000		397,000	
18	Hạ tầng kỹ thuật khu xen cư Mật Sơn, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	2,431,474				434,000		434,000	
	<b>3. Dự án chuyển tiếp</b>	<b>2,353,921,093</b>	-	-	-	<b>125,412,000</b>	-	<b>125,412,000</b>	
1	Chỉnh trang đô thị phục vụ Đại hội Đảng các cấp và các ngày lễ lớn trong năm 2025	6,961,000				500,000		500,000	
2	Đề án thoát nước cho thành phố Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	1,440,000				1,000,000		1,000,000	
3	Đề án xây dựng thành phố Thanh Hóa xanh - thông minh	5,592,000				1,500,000		1,500,000	
4	Thay thế hệ thống chiếu sáng từ bóng đèn sợi đốt sang đèn Led một số tuyến đường trên địa bàn thành phố Thanh Hóa (giai đoạn 2)	19,539,000				3,000,000		3,000,000	
5	Nâng cấp, cải tạo công viên Hội An, thành phố Thanh Hóa	155,601,062				5,000,000		5,000,000	
6	Cung vãn hóa thiếu nhi và Trung tâm thể dục thể thao thành phố Thanh Hóa	247,850,000				8,822,000		8,822,000	
7	Xử lý một số điểm ngập úng trên địa bàn phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hoá	4,774,000				500,000		500,000	
8	Hồ Thành khu vực 2, thành phố Thanh Hoá	119,613,000				2,000,000		2,000,000	
9	Tuyến đường giao thông nội đường Đông Lê tại trung tâm Y tế phường Đông Hải với MBQH 100	11,220,000				2,000,000		2,000,000	

10	Đường gom đại lộ Hùng Vương đoạn từ Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh đến đường Đồng Lễ, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa	64,518,000				3,000,000		3,000,000	
11	Dự án: Cải tạo, nâng cấp công viên Đông Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa	10,994,000				2,000,000		2,000,000	
12	Dự án: Cải tạo, chỉnh trang hồ Đông Vệ, phường Đông Vệ	5,874,000				500,000		500,000	
13	Dự án: Lắp đặt lan can hồ thành khu vực I, phường Tân Sơn	3,829,000				300,000		300,000	
14	Dự án: Cải tạo, chỉnh trang công viên Bồ Vệ, phường Đông Vệ	8,272,000				500,000		500,000	
15	Dự án: Cải tạo, chỉnh trang Đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hải	8,047,000				500,000		500,000	
16	Cải tạo, nâng cấp, chỉnh trang đường Triệu Quốc Đạt, TPTH	6,011,427				1,000,000		1,000,000	
17	Dự án Cầu qua sông Hạc nối khu đô thị Bắc cầu Hạc đi Nam cầu Hạc, TPTH	42,365,778				3,000,000		3,000,000	
18	Dự án Cầu đường gom phía Nam Đại lộ Hùng Vương nối KĐT Bắc cầu Hạc với KĐT Đông Hương	39,005,895				5,000,000		5,000,000	
19	Đầu tư xây dựng một số hạng mục bổ sung dự án Đại lộ Đông Tây, thành phố Thanh Hóa, đoạn từ nút giao với Quốc lộ 47 đến Quốc lộ 1A.	96,088,000				2,000,000		2,000,000	
20	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Sơn, đoạn từ ngõ 20 Nguyễn Sơn đến nút giao với đường Phùng Khắc Khoan, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa	2,733,000				1,000,000		1,000,000	
21	Sửa chữa, cải tạo điện trang trí, điện chiếu sáng Đại lộ Lê Lợi từ cầu vượt Phú Sơn đến vòng xuyên con Hạc và tuyến đường Hà Văn Mao, TP. Thanh Hóa.	6,568,000				500,000		500,000	
22	Dự án Nâng cấp, cải tạo một số tuyến đường thuộc phường Ngọc Trạo (Đường Hoàng Văn Thụ; đường Thôi Hữu và các ngõ 70, ngõ 76; đường Tân An; đường Ngô Thị Nhậm);	27,489,000				4,000,000		4,000,000	
23	Nâng cấp đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn thành phố Thanh Hoá	4,684,236				1,500,000		1,500,000	
24	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước và mặt đường Nguyễn Thái Học, phường Trường Thi	8,183,000				2,000,000		2,000,000	
25	Xây dựng nhà hát Lam Sơn tỉnh Thanh Hóa	20,459,000				500,000		500,000	
26	Trường Tiểu học Đông Hải 2; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 03 tầng 15 phòng, thư viện xanh và các hạng mục phụ trợ	14,974,611				2,500,000		2,500,000	
27	Trường Tiểu học Đông Hải 1; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 03 tầng 15 phòng	14,990,000				3,000,000		3,000,000	

28	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông tư Nhà văn hóa đến nhà ông Huy, phố Ái Sơn 1	6,278,659				3,000,000		3,000,000	
29	Trường THCS phường Đông Hải; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học và các phòng chức năng 4 tầng và các hạng mục phụ trợ	27,211,575				3,000,000		3,000,000	
30	Trường Tiểu học Đông Hương (HM: Nhà vệ sinh và mua sắm thiết bị)	2,777,000				500,000		500,000	
31	Nâng cấp, cải tạo mở rộng đường GT ngõ 355 đường Nguyễn Tĩnh và 2 tuyến nhánh phố Bảo Ngoại	5,693,000				2,500,000		2,500,000	
32	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường nối từ đường Nguyễn Tĩnh đến khu quy hoạch xen cư thôn Quang Trung, phường Đông Hương	5,164,600				1,500,000		1,500,000	
33	Nâng cấp, mở rộng Ngõ 08, đường Nguyễn Công Trứ, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa (Thực hiện Nghị Quyết số 83/NQ-HĐND ngày 28/4/2022 của HĐND thành phố)	5,530,000				1,500,000		1,500,000	
34	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trên địa bàn phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa (Đường giao thông phố 2, phố 5 và phố 8)	16,097,000				5,000,000		5,000,000	
35	Nâng cấp, cải tạo đường Đặng Tiến Đông, P. Đông Thọ, TP. Thanh Hoá ( Nhân dân hiến đất, tự thực hiện công tác GPMB theo nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 28/4/2022 )	22,924,000				5,000,000		5,000,000	
36	Cải tạo, nâng cấp đường Ý Lan, phường Đông Thọ, TP. Thanh Hoá	10,693,000				1,000,000		1,000,000	
37	Khôi phục, tôn tạo cụm di tích đình làng Thọ Hạc	5,321,000				2,000,000		2,000,000	
38	Dự án: Nâng cấp, cải tạo một số tuyến đường trên địa bàn phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hoá (Đường Trần Quang Diệu, đường Bùi Thị Xuân, đường Lê Ngọc Hân, đường Đặng Thai Mai)	17,331,000				7,000,000		7,000,000	
39	Trường Tiểu học Tân Sơn, phường Tân Sơn; Hạng mục: Xây mới khu nhà lớp học, phòng học chức năng 04 tầng và hạng mục phụ trợ khác	33,918,000				2,000,000		2,000,000	
40	Nâng cấp mở rộng đường Phú Vinh	6,207,263				1,500,000		1,500,000	
41	Dự án cải tạo hệ thống mương B21 và XD khuôn viên cây xanh thuộc MB QH 502/UBND-QLĐT phường Phú Sơn	3,529,133				1,500,000		1,500,000	
42	Trường mầm non Trường Thi A	26,430,000				2,000,000		2,000,000	
43	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Từ	3,532,931				100,000		100,000	
44	Cải tạo, nâng cấp 1 số tuyến đường phường Lam Sơn	14,461,766				1,500,000		1,500,000	

45	Cải tạo, nâng cấp đường Trần Bình Trọng (đoạn từ nhà ông Lê Xuân Giang đến nhà ông Cao Thăng và đoạn ngõ 14 và ngõ 38 ), phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa	5,378,000				2,000,000		2,000,000	
46	Xây dựng Trung tâm hành chính mới thành phố Thanh Hóa	53,000,000				2,000,000		2,000,000	
47	HTKT khu xen cư 21, phường Lam Sơn, TPTH (MBQH 1/500 kèm theo Quyết định số 12223/QĐ-UBND ngày 14/12/2017)	6,772,000				190,000		190,000	
48	Hạ tầng kỹ thuật Quy đất xen kẹt tại phường Đông Hải (MBQH 1792/QĐ-UBND ngày 21/02/2022) (0,46ha)	7,828,554				1,800,000		1,800,000	
49	Khu dân cư, tái định cư xã Đông Hương, TPTH (MB 217)	47,568,797				5,000,000		5,000,000	
50	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tái định cư xã Đông Hương (MB1876)	418,522,000				5,000,000		5,000,000	
51	HTKT-TĐC Công viên Tây Ga MB 971 Phú Sơn	105,775,112				500,000		500,000	
52	Khu DVVP TM đô thị Đông Hương (MB 3241)	347,354,000				5,000,000		5,000,000	
53	Khu dân cư xã Đông Hải (MBQH 2122)	143,853,694				200,000		200,000	
54	Khu dân cư, TĐC phường Trường Thi ( MB 1988 )	28,566,000				2,000,000		2,000,000	
55	HTKT khu dân cư đường Cù Chính Lan	10,770,000				3,000,000		3,000,000	
56	Khu dân cư mới phường Lam Sơn, TPTH (MB 1515)	7,757,000				1,000,000		1,000,000	
	<b>4. Dự án khởi công mới</b>	<b>83,559,746</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10,400,000</b>	<b>-</b>	<b>10,400,000</b>	
1	Nâng cấp các hạng mục công trình đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn thành phố Thanh Hoá	9,880,725				2,000,000		2,000,000	
2	Xử lý các điểm ngập úng khu vực trung tâm thành phố Thanh Hóa Xử lý các điểm ngập úng khu vực trung tâm thành phố Thanh Hóa (Ngã tư bưu điện tỉnh, các đường: Hàn Thuyên, Lê Quý Đôn, Dương Đình Nghệ, Hải Thượng Lãn Ông và nạo vét kênh tiêu Mật Sơn)	14,905,204				3,000,000		3,000,000	
3	Dự án Nâng cấp Trung tâm phục vụ hành chính công phường Hạc Thành	995,000				200,000		200,000	
4	Cải tạo, sửa chữa hệ thống đài truyền thanh trên địa bàn phường Hạc Thành	460,000				200,000		200,000	
5	Cải tạo, nâng cấp đường Thọ Hạc, phường Đông Thọ ( Thực hiện theo Nghị quyết số: 83/NQ-HĐND ngày 28/4/2022 của HĐND thành phố Thanh Hoá )	14,840,000				3,000,000		3,000,000	

6	Trường THPT Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa; hạng mục: Xây dựng mới khu nhà lớp học bộ môn 05 tầng kết hợp nhà hiệu bộ, các hạng mục phụ trợ, hệ thống PCCC ngoài nhà	35,967,247				1,000,000		1,000,000	
7	Trường THCS Tân Sơn, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa; Hạng mục: Cải tạo nhà lớp học 3 tầng, nhà hiệu bộ 2 tầng và các hạng mục phụ trợ	6,511,570				1,000,000		1,000,000	
<b>5. Dự án chuẩn bị đầu tư</b>		<b>172,545,081</b>	-	-	-	<b>25,000,000</b>	-	<b>25,000,000</b>	-
1	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông trên địa bàn phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa (đoạn tuyến Nguyễn Quỳnh, đoạn vượt nối từ Nguyễn Quỳnh ra đường Bà Triệu và tuyến đường Trần Quốc Toàn)	14,962,000				2,000,000		2,000,000	
2	Nâng cấp, cải tạo đường Quán Giò và ngõ 01 đường Chu Văn An, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hoá	16,915,124				2,000,000		2,000,000	
3	Cải tạo một số tuyến đường trên địa bàn phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa (Đường Hoàng Hoa Thám, đoạn từ đường Phùng Hưng Km0+00 đến Km0+400; đường nối từ Hoàng Hoa Thám đến Phan Đình Phùng, phía Tây trường mầm non Bình Minh)	14,962,000				1,000,000		1,000,000	
4	Nâng cấp, cải tạo đường Trịnh Thị Ngọc Lũ và các đường ngang, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa	11,233,408				2,000,000		2,000,000	
5	Dự án nâng cấp, cải tạo đường một số tuyến đường xương cá nối vào đường Đội Cung và đường Hồng Nguyên đoạn từ nút giao với đường Trường Thi đến nút giao với đường Lò Chum, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa	2,765,221				1,000,000		1,000,000	
6	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn trung trực và đường Cột Cờ (đoạn từ đường Hạc Thành đến ngõ 2 đường Cột Cờ), phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa	9,770,788				2,000,000		2,000,000	
7	Tuyến đường Đinh Chương Dương (từ đường Phan Bội Châu đến điểm cuối tuyến giao với Ngõ Nhà Bàng) phường Ba Đình	1,912,633				1,000,000		1,000,000	
8	Nâng cấp, cải tạo mở rộng hệ thống đường GT tổ dân phố Cốc Hạ 2, phường Đông Hương	11,288,700				2,000,000		2,000,000	
9	Trường Tiểu học Đông Hương (HM: Nhà bếp, nhà ăn bán trú và hệ thống PCCC)	5,190,000				2,000,000		2,000,000	
10	Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường GT tổ dân phố Hòa Bình	7,490,000				2,000,000		2,000,000	
11	Dự án sửa chữa, cải tạo trường mầm non Phú Sơn, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa	5,482,962				500,000		500,000	

12	Dự án: Trường THPT Tô Hiến Thành; Hạng mục Xây mới khu nhà lớp học 05 tầng 33 phòng và các hạng mục phụ trợ.	42,693,000				2,000,000		2,000,000	
13	Công trình: Sửa chữa, cải tạo Trạm y tế phường Phú Sơn, Hạng mục: Cải tạo nhà làm việc 02 tầng, sân công, tường rào	1,669,625				1,000,000		1,000,000	
14	Thay thế hệ thống chiếu sáng từ bóng đèn sợi đốt sang đèn Led một số tuyến đường trên địa bàn phường Hạc Thành (giai đoạn 3)	19,960,000				2,000,000		2,000,000	
15	Hạ tầng kỹ thuật Khu xen cư phố Quang Trung, phường Đông Hương (MBQH số 1684/QĐ-UBND ngày 11/02/2022)	6,249,620				2,500,000		2,500,000	
<b>6.Các dự án quy hoạch</b>		<b>16,074,374</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2,995,000</b>	<b>-</b>	<b>2,995,000</b>	
1	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu xen cư đường vành đai Đông Tây, phường Phú Sơn, thành phố Thanh Hóa	154,000				69,000		69,000	
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực số 04, thuộc quy hoạch chung đô thị Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá	5,655,000				1,500,000		1,500,000	
3	QHCT 1/500 Khu trung tâm thương mại - đại siêu thị BigC	386,000				180,000		180,000	
4	QHCT 1/500 Khu số 01 Trần Phú, P.Điện Biên (trụ sở Công an thành phố Thanh Hóa)	78,000				78,000		78,000	
5	Lập quy hoạch chi tiết 1/500 khu nhà ở và thương mại phía Nam trung tâm thương mại - Đại siêu thị BigC thành phố Thanh Hóa	74,000				68,000		68,000	
6	QHCT 1/2000 Khu đô thị mới Trung tâm thành phố	9,386,000				1,000,000		1,000,000	
7	QHCT 1/500 Hồ thành khu vực 4 - HM: Công bố quy hoạch	16,000				-		-	
8	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư (tái định cư) phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hoá (điều chỉnh quy hoạch chi tiết Khu ở phía Bắc đường Nguyễn Công Trứ, khu đô thị Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa).	325,374				100,000		100,000	
<b>7. Thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011</b>						<b>22,782,000</b>		<b>22,782,000</b>	
<b>8. Chi đầu tư xây dựng cơ bản chi phân bổ khi nguồn thu tiền sử dụng đất đảm bảo</b>						<b>195,993,000</b>		<b>195,993,000</b>	